



**MIHA., JSC**  
**CÔNG TY CP XNK KHOÁNG SẢN HÀ NAM**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Cho Năm tài chính kết thúc Ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán)*

---

Trụ sở chính

Khu CN Châu Sơn - TP. Phủ Lý - Tỉnh Hà Nam  
Tel: 0351.384.6916 - Fax: 0351.384.9338 Email: mih@mih.vn - Website: www.mih.vn

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>02-04</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	<b>05</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>06-07</b>
<b>Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>08-08</b>
<b>Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>09-09</b>
<b>Thuyết minh Báo cáo tài chính</b>	<b>10-19</b>

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc ngày 31/12/2010.

### Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Hà Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0700241917 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 02 tháng 01 năm 2008, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 5 ngày 02 tháng 06 năm 2010.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0700241917 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần thứ 5 ngày 02/06/2010, lĩnh vực hoạt động của Công ty là:

Thăm dò khai thác chế biến kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản và hóa chất; Sản xuất, mua bán: thực phẩm nông sản, vật liệu xây dựng, hàng nội thất công trình; Kinh doanh bất động sản (kinh doanh nhà, đất); Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội bộ; Xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 35KV trở xuống; Mua bán, chế tạo cơ khí, sản xuất lắp ráp máy móc, thiết bị: máy điều hòa, thiết bị nội thất gia đình; Mua bán, sản xuất các mặt hàng từ nguyên liệu gỗ; Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh dịch vụ cảng, bến cảng; Sản xuất kinh doanh và in mác nhãn vỏ bao, bao bì đóng gói, may trang phục bao bì; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại; Sản xuất máy móc, thiết bị thông thường phục vụ dân sinh; Sản xuất, kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, hàng dệt may; Sản xuất xi măng (PC300 – PC500), các sản phẩm từ bê tông; Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép; Sản xuất, gia công cơ khí; Chế biến đá, sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu nhựa, từ nguyên liệu giấy.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0700241917 thay đổi lần thứ 5 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000VND (Bốn mươi tỷ đồng).

Cổ đông sáng lập gồm:	Giá trị vốn	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Viết Thọ	4.000.000.000	10%
Ông Trần Văn Việt	19.880.000.000	49,7%
Bà Hoàng Thị Hằng	120.000.000	0,3%

### Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế TNDN cho năm tài chính 2010 là 23.549.612.599 VND (Năm 2009 là 13.511.198.610 VND)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2010 là 14.011.870.988 VND (Năm 2009 là 7.511.198.610 VND)

### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XNK KHOÁNG SẢN HÀ NAM

Địa chỉ: KCN Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam

### Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm 2010 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

#### Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Trần Văn Việt	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Việt Thọ	Ủy viên HĐQT
Bà Hoàng Thị Hằng	Ủy viên HĐQT
Ông Bùi Quang Thứ	Ủy viên HĐQT
Bà Trần Thị Thanh Giang	Ủy viên HĐQT

#### Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

Ông Nguyễn Duy Phước	Trưởng ban
Nguyễn Thị Kim Cương	Ủy viên

#### Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Việt Thọ	Tổng Giám đốc
Bà Lã Thị Huệ Hà	Phó Tổng Giám đốc

#### Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

#### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2010 bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc ngày 31/12/2010. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XNK KHOÁNG SẢN HÀ NAM**

Địa chỉ: KCN Châu Sơn, Phù Lý, Hà Nam

---

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2010 bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban giám đốc



---

**Nguyễn Việt Thạo**

*Tổng Giám đốc*

*Hà Nội, Ngày 21 tháng 03 năm 2011*



Số: 1072/BCKT-TC/NV5

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
Về Báo cáo Tài chính năm 2010 của  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam lập ngày 21 tháng 03 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Nguyễn Bảo Trung**  
Phó Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0373/KTV



**Nguyễn Việt Long**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0692/KTV

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**  
Hà Nội, Ngày 25 tháng 03 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số TÀI SẢN	TM	31/12/2010	Đơn vị tính: VND 01/01/2010
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>108.236.294.233</b>	<b>63.634.071.427</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>916.806.186</b>	<b>1.818.337.040</b>
111 1. Tiền	V.01	916.806.186	1.818.337.040
112 2. Các khoản tương đương tiền			
<b>130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>60.918.478.409</b>	<b>19.583.000.035</b>
131 1. Phải thu khách hàng		49.761.949.652	14.085.117.046
132 2. Trả trước cho người bán		10.978.949.445	5.495.170.089
133 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD			
135 5. Các khoản phải thu khác	V.02	177.579.312	2.712.900
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
<b>140 IV. Hàng tồn kho</b>		<b>39.890.410.892</b>	<b>39.389.175.162</b>
141 1. Hàng tồn kho	V.03	39.890.410.892	39.389.175.162
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
<b>150 V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.510.598.746</b>	<b>2.843.559.190</b>
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn			1.518.717.816
152 3. Thuế GTGT được khấu trừ		6.233.536.618	1.324.841.374
154 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
158 4. Tài sản ngắn hạn khác		277.062.128	
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>51.258.289.075</b>	<b>43.533.665.589</b>
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>45.007.591.812</b>	<b>41.864.844.703</b>
221 1. Tài sản cố định hữu hình	V.04	40.008.787.904	41.332.514.627
222 - Nguyên giá		49.127.021.714	45.077.861.301
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(9.118.233.810)	(3.745.346.674)
227 3. Tài sản cố định vô hình	V.05	62.385.305	532.330.076
228 - Nguyên giá		67.000.000	698.674.600
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.614.695)	(166.344.524)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.06	4.936.418.603	
<b>240 III. Bất động sản đầu tư</b>			
241 - Nguyên giá			
242 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
<b>250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>			
251 1. Đầu tư vào công ty con			
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
258 3. Đầu tư dài hạn khác			
259 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
<b>260 V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.250.697.263</b>	<b>1.668.820.886</b>
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	V.07	6.250.697.263	1.668.820.886
262 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
268 3. Tài sản dài hạn khác			
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>159.494.583.308</b>	<b>107.167.737.016</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số NGUỒN VỐN	TM	31/12/2010	Đơn vị tính: VND 01/01/2010
<b>300 A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>114.996.802.514</b>	<b>59.425.998.115</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>106.900.327.465</b>	<b>46.266.007.066</b>
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	V.08	77.469.592.667	35.226.555.164
312 2. Phải trả người bán		23.904.409.262	10.548.149.063
313 3. Người mua trả tiền trước		57.829.878	
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.09	2.878.317.110	491.302.839
315 5. Phải trả người lao động		2.125.079.829	
316 6. Chi phí phải trả	V.10	267.269.205	
317 7. Phải trả nội bộ			
318 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD			
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.11	6.908.556	
320 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
321 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		190.920.958	
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>8.096.475.049</b>	<b>13.159.991.049</b>
331 1. Phải trả dài hạn người bán			
334 4. Vay và nợ dài hạn	V.12	8.096.475.049	13.159.991.049
<b>400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>44.497.780.794</b>	<b>47.741.738.901</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.13	<b>44.497.780.794</b>	<b>47.741.738.901</b>
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		40.000.000.000	40.000.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần			
414 4. Cổ phiếu quỹ (*)		(10.691.000.000)	
415 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		585.613	
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		906.100.221	230.540.291
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		270.223.972	
419 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.011.870.988	7.511.198.610
421 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
<b>430 II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
432 1. Nguồn kinh phí			
433 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>159.494.583.308</b>	<b>107.167.737.016</b>



Nguyễn Viết Thọ  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nam, ngày 21 tháng 03 năm 2011

Trần Thị Hải Yến  
 Phụ trách kế toán



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Năm 2010

Mã số CHỈ TIÊU	TM	Năm 2010	Đơn vị tính: VND Năm 2009
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.14	283.438.373.882	112.852.495.702
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10 3. Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dv	VI.15	283.438.373.882	112.852.495.702
11 4. Giá vốn hàng bán	VI.16	241.700.417.604	91.770.652.893
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dv		41.737.956.278	21.081.842.809
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.17	3.137.271.121	69.353.173
22 7. Chi phí tài chính	VI.18	8.976.842.568	4.279.710.405
23 Trong đó: Chi phí lãi vay		8.051.459.459	2.985.441.101
24 8. Chi phí bán hàng		4.848.625.337	17.642.857
25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.772.948.867	3.338.240.835
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.276.810.627	13.515.601.885
31 11. Thu nhập khác		1.157.089.956	3.312
32 12. Chi phí khác		1.472.746.713	4.406.587
40 13. Lợi nhuận khác		(315.656.757)	(4.403.275)
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.961.153.870	13.511.198.610
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.19	2.411.541.271	
52 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		23.549.612.599	13.511.198.610
70 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.20	5.924	4.358



Nguyễn Việt Thạo

Tổng Giám đốc

Hà Nam, ngày 21 tháng 03 năm 2011

*Handwritten signature*

Trần Thị Hải Yến

Phụ trách kế toán

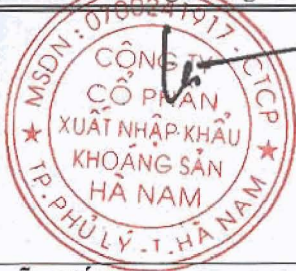
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Năm 2010	Năm 2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		259.057.204.713	121.340.091.693
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(232.582.361.513)	(106.399.326.048)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(12.298.562.405)	(10.589.119.992)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(8.051.459.459)	(2.985.441.101)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(241.181.736)	
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		28.087.026	34.691.993
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.616.431.338)	(608.254.769)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.704.704.712)</b>	<b>792.641.776</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(10.948.000.068)	(19.772.482.769)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		969.545.454	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(8.000.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		8.000.000.000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		100.664.831	
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(9.877.789.783)</b>	<b>(19.772.482.769)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			16.200.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành		(10.691.000.000)	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		224.838.930.256	108.377.803.543
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(188.190.401.867)	(102.679.113.744)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.277.150.361)	(6.000.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>10.680.378.028</b>	<b>15.898.689.799</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(902.116.467)</b>	<b>(3.081.151.194)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>1.818.337.040</b>	<b>4.899.488.234</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		585.613	
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>916.806.186</b>	<b>1.818.337.040</b>



Nguyễn Việt Thọ  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nam, ngày 21 tháng 03 năm 2011

*Handwritten signature*

Trần Thị Hải Yến  
 Phụ trách kế toán

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Hà Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0700241917 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 02 tháng 01 năm 2008, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 5 ngày 02 tháng 06 năm 2010.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0700241917 thay đổi lần thứ 5 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000VND (Bốn mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu CN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
Văn phòng Công ty đặt tại: Số 204, Lô C, đường Nguyễn Phong Sắc kéo dài, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 03513.846.916

Fax: 03513.849.338

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0700241917 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần thứ 5 ngày 02/06/2010, lĩnh vực hoạt động của Công ty là:

Thăm dò khai thác chế biến kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản và hóa chất; Sản xuất, mua bán: thực phẩm nông sản, vật liệu xây dựng, hàng nội thất công trình; Kinh doanh bất động sản (kinh doanh nhà, đất); Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội bộ; Xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 35KV trở xuống; Mua bán, chế tạo cơ khí, sản xuất lắp ráp máy móc, thiết bị: máy điều hòa, thiết bị nội thất gia đình; Mua bán, sản xuất các mặt hàng từ nguyên liệu gỗ; Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh dịch vụ cảng, bến cảng; Sản xuất kinh doanh và in mác nhãn vỏ bao, bao bì đóng gói, may trang phục bao bì; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại; Sản xuất máy móc, thiết bị thông thường phục vụ dân sinh; Sản xuất, kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, hàng dệt may; Sản xuất xi măng (PC300 – PC500), các sản phẩm từ bê tông; Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép; Sản xuất, gia công cơ khí; Chế biến đá, sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu nhựa, từ nguyên liệu giấy.



### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao đang được Công ty xác định theo thời gian còn lại của TSCĐ và được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận từ quỹ đầu tư phát triển để đầu tư mua sắm tài sản cố định và phục vụ sản xuất kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trong năm Công ty chưa thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2010.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản được giảm trừ theo quy định hiện hành.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 06221000026 cấp ngày 04/12/2007 của tỉnh Hà Nam Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam, hoạt động kinh doanh thuộc dự án “Nhà máy chế biến đá hạt xuất khẩu và sản xuất bao bì, túi xách” tại Khu công nghiệp Châu Sơn, tỉnh Hà Nam của Công ty được hưởng thuế suất 15% trong thời hạn 12 năm, được miễn thuế 03 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm đầu tiên Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 7,5% cho hoạt động sản xuất túi. Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 06121000074 ngày 25/8/2009 của tỉnh Hà Nam, Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25% đối với hoạt động kinh doanh thuộc dự án “Nhà máy chế biến đá hạt xuất khẩu tại Hà Nam.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong kỳ Công ty không phát sinh khoản mục này.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

## V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT

### 1. Tiền

Đơn vị tính: VND

	31/12/2010	01/01/2010
Tiền mặt	143.322.325	329.736.473
Tiền gửi ngân hàng	773.483.861	1.488.600.567
Ngân hàng Eximbank - Hà Nội	1.004.923	
Ngân hàng Công thương - CN Hà Nam (VND)	357.149.556	1.454.191.044
Ngân hàng ĐT&PTVN - CN Hà Nam	1.635.680	1.745.039
Ngân hàng Habubank		6.929.831
Ngân hàng VID Public Bank		1.883.984
Ngân hàng HSBC		3.143.510
Ngân hàng Vietcombank - CN Thăng Long	962.333	
Ngân hàng Công thương - CN Nam Thăng Long	1.878.047	
Ngân hàng ĐT&PTVN - Sở giao dịch 1	1.094.328	
Ngân hàng Công thương - CN Hà Nam (USD)	399.011.021	3.599.144
Ngân hàng ĐT&PTVN - Sở giao dịch 1 (USD)	4.723.534	
Ngân hàng Habubank (USD)		7.591.212
Ngân hàng Vietcombank - CN Thăng Long (USD)	5.993.682	
Ngân hàng HSBC (USD)		9.516.803
Ngân hàng Công thương - CN Hà Nam (EUR)	30.757	
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>916.806.186</b>	<b>1.818.337.040</b>

### 2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
Phải thu khác	177.579.312	-
Phải trả khác dư nợ (BHXH)	-	2.712.900
<b>Cộng</b>	<b>177.579.312</b>	<b>2.712.900</b>

### 3. Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	32.192.127.533	33.197.493.968
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	4.071.656.570
Thành phẩm	7.698.283.359	2.120.024.624
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>39.890.410.892</b>	<b>39.389.175.162</b>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

#### 4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	27.744.758.945	15.855.087.941	1.403.161.601	74.852.814	45.077.861.301
-Mua trong năm	409.091.000	4.474.510.882	1.405.434.546	276.530.253	6.565.566.681
-Giảm khác	-	(844.578.000)	-	-	(844.578.000)
-Thanh lý	-	(298.761.905)	(1.373.066.363)	-	(1.671.828.268)
Tại ngày 31/12/2010	28.153.849.945	19.186.258.918	1.435.529.784	351.383.067	49.127.021.714
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	1.822.342.161	1.705.922.760	215.072.238	2.009.515	3.745.346.674
-Khấu hao trong kỳ	2.793.992.073	2.795.118.030	292.284.473	78.393.559	5.959.788.135
Giảm khác	-	(249.098.686)	-	-	(249.098.686)
-Thanh lý	-	(68.461.884)	(269.340.429)	-	(337.802.313)
Tại ngày 31/12/2010	4.616.334.234	4.183.480.220	238.016.282	80.403.074	9.118.233.810
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2010	25.922.416.784	14.149.165.181	1.188.089.363	72.843.299	41.332.514.627
Tại ngày 31/12/2010	23.537.515.711	15.002.778.698	1.197.513.502	270.979.993	40.008.787.904

#### 5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
Số dư đầu năm	698.674.600	-	-	-	698.674.600
-Mua trong năm	-	-	-	67.000.000	67.000.000
-Giảm khác	(698.674.600)	-	-	-	(698.674.600)
Số dư cuối năm	-	-	-	67.000.000	67.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	166.344.524	-	-	-	166.344.524
-Khấu hao trong năm	30.504.548	-	-	4.614.695	35.119.243
-Giảm khác	(196.849.072)	-	-	-	(196.849.072)
Số dư cuối năm	-	-	-	4.614.695	4.614.695
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
Tại ngày đầu năm	532.330.076	-	-	-	532.330.076
Tại ngày cuối năm	-	-	-	62.385.305	62.385.305

#### 6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010	01/01/2010
Dự án nhà máy sản xuất bao bì, túi xách	4.893.818.418	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	42.600.185	-
Cộng	4.936.418.603	-

#### 7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	5.895.810.542	1.668.820.886
Chi phí trả trước dài hạn khác (Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng)	354.886.721	-
Cộng	6.250.697.263	1.668.820.886



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

8 . Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
Vay ngắn hạn	77.319.592.667	35.226.555.164
(*) - Ngân hàng Công thương - CN Hà Nam	77.319.592.667	35.226.555.164
(**) - Vay cá nhân	150.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>77.469.592.667</b>	<b>35.226.555.164</b>

(\*) Khoản vay ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2010/HĐTD ngày 17/10/2010 với thời hạn hạn mức từ 17/10/2010 đến 30/09/2011. Hạn mức cho vay và bảo lãnh mở L/C bằng vốn vay là 90 tỷ, thời hạn vay cụ thể tối đa là 6 tháng. Lãi suất trong hạn là 13,5%/năm với tiền VNĐ, 7,0%/năm với tiền USD, lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất trong hạn. Dư nợ tại ngày 31/12/2010 là: 60.863.474.759VNĐ và 869.222,49USD. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất.

(\*\*) Khoản vay ông Nguyễn Việt Thọ theo hợp đồng vay vốn lưu động số 0110/VLD ngày 01/10/2010. Thời hạn vay 8 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động.

9 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
Thuế giá trị gia tăng	-	416.504.146
Thuế xuất, nhập khẩu	257.753.843	74.798.693
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.170.359.535	-
Thuế thu nhập cá nhân	450.203.732	-
<b>Cộng</b>	<b>2.878.317.110</b>	<b>491.302.839</b>

10 . Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
Trích trước chi phí phải trả nhà cung cấp	267.269.205	-
<b>Cộng</b>	<b>267.269.205</b>	<b>-</b>

11 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
Kinh phí công đoàn	6.692.240	-
Phải thu khác dư Có	40.322	-
Tạm ứng dư Có	175.994	-
<b>Cộng</b>	<b>6.908.556</b>	<b>-</b>

12 . Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
Vay dài hạn	8.096.475.049	13.159.991.049
Vay ngân hàng	8.096.475.049	13.159.991.049
Ngân hàng Công thương - CN Hà Nam	8.096.475.049	13.159.991.049
Nợ dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.096.475.049</b>	<b>13.159.991.049</b>

Số hợp đồng (*)	Ngày hợp đồng	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Số tiền
02/HĐTD (VNĐ)	30/12/2010	18,5%/năm	30/12/2014	1.000.000.000
02/2009/HĐTD	15/06/2009	18,5%/năm	15/06/2015	7.096.475.049
<b>Tổng cộng</b>				<b>8.096.475.049</b>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

13. **Vốn chủ sở hữu**

a. **Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu ngân quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối
<b>Năm trước</b>					
Tại ngày 01/01/2009	22.000.000.000	230.540.291	-	-	-
- Tăng vốn năm trước	18.000.000.000	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	13.511.198.610
- Giảm khác	-	-	-	-	(6.000.000.000)
<b>Năm nay</b>					
Tại ngày 01/01/2010	40.000.000.000	230.540.291	-	-	7.511.198.610
- Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	23.549.612.599
- Mua lại cổ phiếu	-	-	-	(10.691.000.000)	-
- Phân phối quỹ	-	675.559.930	270.223.972	-	(1.351.119.860)
- Thuế TNCN từ cổ tức	-	-	-	-	(420.670.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(15.277.150.361)
Tại ngày 31/12/2010	40.000.000.000	906.100.221	270.223.972	(10.691.000.000)	14.011.870.988

b. **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2010		Vốn đã góp tại ngày 01/01/2010	
	VND	%	VND	%
-Trần Văn Việt	20.380.000.000	50,95	19.880.000.000	49,70
-Nguyễn Việt Thọ	4.000.000.000	10,00	4.000.000.000	10,00
-Hoàng Thị Hằng	120.000.000	0,30	120.000.000	0,30
Vốn góp các cổ đông khác	15.500.000.000	38,75	16.000.000.000	40,00
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100</b>

c. **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2010	Năm 2009
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	22.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		18.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm		-
Vốn góp cuối năm	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

d. **Cổ phiếu**

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	220.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	220.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.780.000	4.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000đ/1CP	10.000đ/1CP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

## VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BCKQHĐKD

### 14 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng (Nhà máy đá)	26.513.023.958	17.532.653.760
Doanh thu bán hàng (Nhà máy túi)	256.925.349.924	95.319.841.942
<b>Cộng</b>	<b>283.438.373.882</b>	<b>112.852.495.702</b>

### 15 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu thuần về bán hàng (Nhà máy đá)	26.513.023.958	17.532.653.760
Doanh thu thuần về bán hàng (Nhà máy túi)	256.925.349.924	95.319.841.942
<b>Cộng</b>	<b>283.438.373.882</b>	<b>112.852.495.702</b>

### 16 . Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
Giá vốn hàng hóa đã bán (Nhà máy đá)	23.876.187.923	16.142.527.646
Giá vốn hàng hóa đã bán (Nhà máy túi)	217.824.229.681	75.628.125.247
<b>Cộng</b>	<b>241.700.417.604</b>	<b>91.770.652.893</b>

### 17 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	100.664.831	69.353.173
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.036.606.290	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.137.271.121</b>	<b>69.353.173</b>

### 18 . Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền vay	8.051.459.459	4.279.710.405
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	868.721.582	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	51.661.527	-
Chi phí tài chính khác	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.976.842.568</b>	<b>4.279.710.405</b>

### 19 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận trước thuế	25.961.153.870	13.511.198.610
Các khoản điều chỉnh	38.950.000	-
- Chi phí không hợp lệ	38.950.000	-
Thu nhập tính thuế	26.000.103.870	13.511.198.610
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.411.541.271	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN được giảm của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.411.541.271</b>	<b>-</b>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**20 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2010	Năm 2009
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	23.549.612.599	13.511.198.610
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.		-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.549.612.599	13.511.198.610
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	3.975.312	3.100.321
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>5.924</b>	<b>4.358</b>

**VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI). Một số chỉ tiêu được phân loại lại cho phù hợp và để so sánh theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.



**Nguyễn Việt Thạo**  
**Tổng Giám đốc**  
 Hà Nam, ngày 21 tháng 03 năm 2011

**Trần Thị Hải Yến**  
**Phụ trách kế toán**

